HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 51/2026/NQ-HĐND	*Vĩnh Long, ngày 23 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma tuý đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 163/2024/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;

Căn cứ Nghị định số 387/2026/NĐ-CP ngày 12 tháng 10 năm 2026 của Chính phủ quy định nội dung, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Quyết định số 28/2025/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí xác định tuyến, địa bàn trọng điểm phức tạp về ma túy, địa bàn không ma túy;

Căn cứ Quyết định số 05/2026/QĐ-TTg ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 1184a/TTr-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì được thực hiện theo văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung.

5. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 10 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa XI, Kỳ họp chuyên đề lần thứ Tư thông qua ngày 23 tháng 10 năm 2026.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Công an, Tài chính;
- Cục KTVB&TCTHPL- Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Văn phòng: Tỉnh uỷ, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm thông tin điều hành;
- Báo và phát thanh, truyền hình Vĩnh Long;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Nguyễn Minh Dũng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/2026/NQ-HĐND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước (bao gồm: Vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương, vốn tự cân đối của ngân sách địa phương) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long (sau đây gọi là Chương trình).

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành tỉnh;

b) Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã);

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thực hiện Chương trình.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Nguồn vốn ngân sách nhà nước phân bổ bảo đảm tính công khai, minh bạch, tập trung ưu tiên cho các nhiệm vụ, dự án trọng tâm theo mức độ cấp thiết; tuân thủ quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Ưu tiên hỗ trợ các địa bàn trọng điểm, phức tạp về ma túy, có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Việc phân bổ vốn bảo đảm phù hợp với mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung hoạt động và các dự án thành phần của Chương trình, kế hoạch hằng năm, tình hình thực tế, vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương và khả năng cân đối của ngân sách địa phương; bảo đảm sử dụng vốn đúng mục tiêu, hiệu quả, linh hoạt, phù hợp để thực hiện Chương trình; không trùng lặp với các chương trình, dự án khác trên địa bàn và tuân thủ nguyên tắc phân cấp, phân quyền.

Điều 3. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn

1. Tiêu chí phân bổ vốn đối với các sở, ban, ngành tỉnh

Tính chất, quy mô, khối lượng công việc và các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể được giao và dự toán hằng năm của các sở, ban, ngành tỉnh chủ trì các Dự án, Tiểu dự án thành phần của Chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Nhu cầu kinh phí thực hiện các Dự án, Tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình của các sở, ban, ngành tỉnh chủ trì thực hiện đảm bảo đúng định mức theo quy định; kết quả thực hiện nhiệm vụ và kết quả giải ngân vốn của các sở, ban, ngành tỉnh trong năm liền kề trước năm ngân sách.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn đối với xã, phường

a) Tiêu chí phân bổ

Kết quả rà soát, đánh giá hằng năm về địa bàn trọng điểm phức tạp về ma túy, địa bàn không ma túy theo Quyết định số 28/2025/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí xác định tuyến, địa bàn trọng điểm phức tạp về ma túy, địa bàn không ma túy được sử dụng để xác định hệ số phân bổ cho các xã, phường theo nguyên tắc sử dụng kết quả rà soát, đánh giá của năm liền kề trước năm ngân sách làm căn cứ xác định hệ số phân bổ cho năm ngân sách. Hệ số phân bổ cho các xã, phường như sau:

b) Hệ số phân bổ

Hệ số gốc:

Xã, phường không ma túy: hệ số 1,0;

Xã, phường trọng điểm, phức tạp về ma túy loại III: hệ số 1,5;

Xã, phường trọng điểm, phức tạp về ma túy loại II: hệ số 2,0;

Xã, phường trọng điểm, phức tạp về ma túy loại I: hệ số 3,0

Hệ số tăng thêm: Áp dụng đối với xã, phường có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh: Hệ số gốc tăng thêm 1,5 lần.

Điều 4. Định mức phân bổ vốn

1. Định mức phân bổ vốn đối với các sở, ban, ngành tỉnh

Định mức phân bổ vốn đối với các sở, ban, ngành tỉnh tối thiểu 30% tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình từ ngân sách trung ương được cấp có thẩm quyền thông báo, vốn tự cân đối của ngân sách địa phương hằng năm (nếu có).

2. Định mức phân bổ vốn đối với xã, phường

a) Tổng số vốn phân bổ đối với xã, phường được xác định bằng tổng số vốn thực hiện Chương trình trừ số vốn phân bổ cho các sở, ban, ngành tỉnh.

b) Định mức phân bổ vốn đối với 01 xã, phường cụ thể như sau:

Định mức phân bổ cho 01 xã, phường = Số vốn trung bình 01 hệ số x Tổng hệ số của 01 xã, phường

Trong đó:

$$\text{Số vốn trung bình 01 hệ số} = \frac{\text{Tổng số vốn phân bổ cho xã, phường của từng Dự án, Tiểu dự án}}{\text{Tổng hệ số gốc và tổng hệ số tăng thêm của xã, phường (nếu có)}}$$

$$\text{Tổng hệ số của 01 xã, phường} = \text{Hệ số gốc của xã, phường} + \left(\text{Hệ số gốc của xã, phường} \times \text{1,5 (áp dụng đối các xã, phường có hệ số tăng thêm)}\right)$$